

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐAK KRONG
Số: 14/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đak Krong, ngày 20 tháng 07 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã quý 2 năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Thực hiện thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân xã Đak Krong thông báo công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã quý 2 năm 2022 *(Các biểu kèm theo)*./.

Nơi nhận:

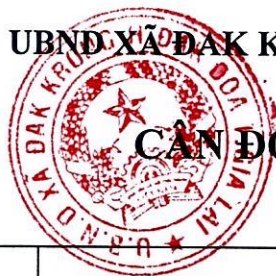
- TT Đảng uỷ xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Các ban ngành, đoàn thể xã (b/c);
- Lưu VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Vũ Đăng Tuấn



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị:
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.093.000.000	5.654.339.324	111,02
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	47.000.000	11.435.893	24,33
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	264.000.000	587.818.503	222,66
3	Thu bổ sung	4.782.000.000	1.195.500.000	25,00
	- Thu bổ sung cân đối	4.782.000.000	1.195.500.000	25,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn			
5	Thu kết dư			
6	Tạm thu chưa đưa vào NS		3.859.584.928	
II	TỔNG SỐ CHI	5.044.000.000	1.401.017.425	27,78
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	4.944.000.000	1.401.017.425	28,34
3	Dự phòng	100.000.000		0,00



Biểu số 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 2		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.227.000.000	5.093.000.000	5.896.599.047	5.685.614.772	112,81	111,64
I	Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000	11.510.944	11.435.893	24,49	24,33
	Phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000	5.605.000	5.605.000	31,14	31,14
	Thu xử phạt ATGT	2.000.000	2.000.000	5.650.000	5.650.000	282,50	282,50
	Thu khác	27.000.000	27.000.000	255.944	180.893	0,95	0,67
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	398.000.000	264.000.000	793.903.175	582.993.951	199,47	220,83
	Phí trước bạ nhà đất	17.000.000	17.000.000	132.233.235	132.233.235	777,84	777,84
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	5.307.840	5.307.840	265,39	265,39
	Thuế giá trị gia tăng	66.000.000	19.800.000	35.001.484	10.500.445	53,03	53,03
	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	252.000.000	176.400.000	621.360.616	434.952.431	246,57	246,57



	Trên sử dụng đất	61.000.000	48.800.000	0	0	0,00	0,00
	Thu phải chậm nộp thuế						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			0	0		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				0		
VI	Tạm thu chưa đưa vào NS			3.859.584.928	3.859.584.928		
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.782.000.000	4.782.000.000	1.231.600.000	1.231.600.000	25,75	25,75
	- Thu bổ sung cân đối	4.782.000.000	4.782.000.000	1.195.500.000	1.195.500.000	25,00	25,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		0	36.100.000	36.100.000		

UBND XÃ ĐAK Krong



Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	5.044.000.000	0	5.044.000.000	1.401.017.455	0	1.686.373.225	27,78		33,43
	Trong đó				0					
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản				0					
2	Chi giáo dục	27.000.000		27.000.000	2.235.000		2.235.000	8,28		8,28
3	Chi y tế	61.000.000		61.000.000	16.978.000		10.728.000	27,83		17,59
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	0			0,00		0,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0					
6	Chi thể dục thể thao	70.000.000		70.000.000	57.818.000		0	82,60		0,00
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000	22.215.000			74,05		0,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	0		0	0					
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.055.504.000		4.055.504.000	1.070.853.791		1.442.492.561	26,40		35,57
10	Chi cho công tác xã hội	42.000.000		42.000.000	0		0	0,00		0,00



11	Chi khác	636.496.000		636.496.000	230.917.664		230.917.664	36,28	36,28
12	Chi tiết kiểm 10%	0		0	0				
13	Dự phòng ngân sách	100.000.000		100.000.000	0			0,00	0,00